

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2025

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo¹

Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5% (*từ 3,52% xuống còn 2,02%*); hộ cận nghèo giảm 1,07% (*từ 5,57% xuống còn 4,5%*). Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 6,43% (*từ 14,75% xuống còn 8,32%*). Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm 9,03% (*từ 21,32% xuống còn 12,29%*), vượt mục tiêu kế hoạch đề ra (mục tiêu đề ra tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4 - 5%/năm).

Giai đoạn 2022 - 2024, tổng tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 4,76% (năm 2022 giảm 1,79%, năm 2023 giảm 1,47%, năm 2024 giảm 1,5%); bình quân giai đoạn 2022 - 2024 mỗi năm giảm 1,58%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX và chỉ tiêu giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ².

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể khác của Chương trình

- 100% huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng gồm: 06 huyện nghèo và 02 xã bãi ngang ven biển và hải đảo (*riêng xã Hải Hà, TX. Nghi Sơn chưa được đầu tư do nằm trong quy hoạch phân khu của Khu kinh tế Nghi Sơn*).

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến

¹ a) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm theo tiêu chí mới của giai đoạn 2021-2025 từ 1,5% trở lên. b) Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân hàng năm 3% trở lên. c) Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm 4%-5%.

² Tại Phụ lục II Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2022-2025 của tỉnh Thanh Hóa là 1,5%.

thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo, đặt kế hoạch đề ra.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế (hộ nghèo được hỗ trợ 100%; hộ cận nghèo được hỗ trợ 70% mức đóng trở lên). Tỉnh Thanh Hóa hỗ trợ thêm cho hộ cận nghèo từ 15%-20% mức đóng BHYT từ ngân sách tỉnh; tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo còn 19,1%.

- 12.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Trên 950 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, đã triển khai thực hiện từ năm 2021 đến nay.

- Trên 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp.

- Trên 98,4% trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi.

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 74%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 29,5%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- 9.509 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Trên 85% hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; trên 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Trên 93% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

II. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO

1. Kết quả phân bổ kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương

a) Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 phân bổ cho tỉnh Thanh Hóa là 1.640.539 triệu đồng³

³ Theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 và Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương đã phân bổ cho tỉnh Thanh Hóa là 1.640.539 triệu đồng (*năm 2022 là 486.183 triệu đồng, năm 2023 là 458.850 triệu đồng, năm 2024 là 442.260 triệu đồng, năm 2025 là 253.246 triệu đồng*), bằng 100% kế hoạch vốn theo quy định tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025.

HĐND, UBND tỉnh đã ban hành các nghị quyết, quyết định phân bổ kế hoạch vốn cho các đơn vị, địa phương⁴. Chủ tịch UBND tỉnh đã giao vốn chi tiết cho các huyện, các cơ quan, đơn vị thực hiện dự án là 1.613.678 triệu đồng (*đạt 98,36%*), dự kiến số vốn đầu tư phát triển còn lại là 26.861 triệu đồng, gồm: 3.000 triệu đồng (*vốn đầu tư đối với các xã đặc biệt khó khăn năm 2024*) và 23.861 triệu đồng vốn năm 2025 chưa phân bổ.

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư phát triển năm 2024 được 360.428 triệu đồng, đạt 50% tổng vốn thực hiện năm 2024 (*gồm 144.412 triệu đồng vốn năm 2022, 2023 kéo dài và 216.016 triệu đồng vốn kế hoạch năm 2024*). Lũy kế giải ngân vốn đầu tư phát triển từ năm 2022 đến nay ước đạt 1.191.589 triệu đồng, đạt 72,63% so với tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển (*đạt 73,84% so với vốn giao chi tiết*).

b) Tổng kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương đã phân bổ cho tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2024 là 1.328.489 triệu đồng.

Trong đó, năm 2021 là 37.455 triệu đồng; năm 2022 là 132.965 triệu đồng; năm 2023 là 514.715 triệu đồng; năm 2024 là 643.354 triệu đồng⁵. Giai đoạn 2021-2023, HĐND, UBND tỉnh đã giao 100% kinh phí sự nghiệp trung ương phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện⁶. Năm 2024 còn lại 142.900 triệu đồng chưa phân bổ chuyển nguồn sang năm 2025 theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội khóa XV. Năm 2025, HĐND tỉnh đã phân bổ đợt 1 là 377.907 triệu đồng⁷.

- Kết quả giải ngân vốn sự nghiệp năm 2024 đến nay được 239.823 triệu đồng đạt 28,5% (*gồm 125.398 triệu đồng vốn năm 2021, 2022, 2023 được chuyển nguồn sang năm 2024 và 114.425 triệu đồng vốn năm 2024*). Lũy kế giải ngân từ năm 2021 đến nay được 763.208 triệu đồng, đạt 57,45% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 64,37% tổng vốn sự nghiệp đã được giao chi tiết.

c) Vốn đối ứng

Tổng nhu cầu vốn đầu tư đối ứng từ nguồn ngân sách tỉnh (*bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện*)⁸ để thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*theo báo cáo, đề xuất*

⁴ Theo các Quyết định: Số 2722/QĐ-UBND ngày 11/8/2022; số 4662/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; số 4924 ngày 23/12/2023.

⁵ Theo các Quyết định: Số 2068/QĐ-TTg ngày 08/12/2021; số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022; số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

⁶ Theo các quyết định: Số 1422/QĐ-UBND ngày 26/4/2022; số 2751/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; số 1185/QĐ-UBND ngày 11/4/2023.

⁷ theo Nghị quyết số 641/NQ-HĐND ngày 9/4/2025 của HĐND tỉnh.

⁸ Theo quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

của các sở, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố) là 148.765,95 triệu đồng, bằng 9,07% vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 phân bổ cho tỉnh⁹ (các sở, ngành, địa phương không đề xuất nhu cầu kinh phí sự nghiệp đối ứng từ nguồn ngân sách tỉnh). Sau khi các dự án thuộc Chương trình được phê duyệt quyết toán dự án, căn cứ nhu cầu vốn còn thiếu sẽ bổ sung cho các huyện theo hình thức bổ sung có mục tiêu để thanh toán khối lượng hoàn thành các dự án theo quy định của pháp luật và Nghị quyết số 257/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh¹⁰.

2. Nguồn huy động hợp pháp khác

a) Huy động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân hưởng ứng, tham gia các hoạt động chăm lo cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, qua đó khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững, làm giàu hợp pháp ở từng địa phương, vận động Nhân dân giúp nhau phát triển kinh tế; nêu cao tinh thần, trách nhiệm của mỗi người dân trong cộng đồng dân cư.

Năm 2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 về Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024-2025. Tổng số đối tượng được hỗ trợ nhà ở trong 02 năm 2024-2025 là 15.438 hộ. Hưởng ứng cuộc vận động, trong năm 2024, “Quỹ vì người nghèo” các cấp huy động được hơn 226,5 tỷ đồng. Từ nguồn Quỹ vì người nghèo đã hỗ trợ xây mới và sửa chữa 2.896 nhà Đại đoàn kết, trị giá hơn 157 tỷ đồng; vận động các cơ quan, doanh nghiệp hỗ trợ làm nhà, xây dựng các công trình dân sinh, hỗ trợ phát triển sản xuất đạt trên 260 tỷ đồng.

b) Huy động của cộng đồng và các hộ tham gia các dự án của Chương trình

Để thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, các hộ trực tiếp tham gia vào Dự án 2, Tiểu dự án 1 Dự án 3, Dự án 5 đã đóng góp kinh phí, tiền mặt, hiện vật và ngày công để cùng thực hiện và trực tiếp thụ hưởng sự hỗ trợ từ Chương trình. Tổng kinh phí huy động giai đoạn 2021 - 2024 đạt 514.656 triệu đồng. Trong đó, kinh phí huy động của Dự án 2 chiếm khoảng 24% vốn trung ương; Tiểu dự án 1 Dự án 3 khoảng 43% vốn trung ương; Dự án 5 khoảng 150% vốn trung ương hỗ trợ.

c) Thực hiện tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo

Hiện nay, tất cả các thôn, bản, khu phố trong tỉnh đều được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính sách, xóa bỏ hoàn toàn thôn, bản trắng về tín dụng ưu đãi. Tổng dư nợ tín dụng chính sách đạt 14.588 tỷ đồng, tăng 3.798 tỷ đồng so với năm 2021, với hơn 252 ngàn hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác đang vay vốn.

⁹ Theo quy định, tổng vốn đầu tư đối ứng từ ngân sách tỉnh (bằng 10% vốn đối ứng từ ngân sách trung ương) là 164.053,9 triệu đồng. Tuy nhiên, do một số công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 đã thực hiện xong nên các huyện không có nhu cầu đối ứng; chỉ đề xuất đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025.

¹⁰ Công văn số 285/UBND-THKH ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chương trình cho vay hộ nghèo: Dư nợ đạt 1.635 tỷ đồng, tăng 683 tỷ đồng so với năm 2021; chiếm 11% tổng dư nợ, với hơn 25 nghìn khách hàng dư nợ. Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: doanh số cho vay đạt 2.013 tỷ đồng với gần 32 ngàn lượt hộ được vay vốn; doanh số thu nợ đạt 1.589 tỷ đồng.

- Chương trình cho vay hộ cận nghèo: Dư nợ đạt 3.150 tỷ đồng, chiếm 22% tổng dư nợ, tăng 273 tỷ đồng so với năm 2021, với gần 48 nghìn khách hàng dư nợ. Kết quả đạt được giai đoạn 2021-2024: doanh số cho vay của chương trình là 3.912 tỷ đồng, với gần 57 ngàn lượt hộ cận nghèo được vay vốn; doanh số thu nợ đạt 3.590 tỷ đồng.

- Chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo: Dư nợ đạt 2.847 tỷ đồng, chiếm 20% tổng dư nợ, tăng 633 tỷ đồng so với dư nợ chương trình hộ mới thoát nghèo năm 2021, với gần 42 nghìn khách hàng đang dư nợ. Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: doanh số cho vay đạt 3.481 tỷ đồng, với gần 51 ngàn lượt hộ đã được vay vốn; doanh số thu nợ là 2.178 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các địa phương, các hoạt động thuộc Chương trình đã và đang triển khai thực hiện cơ bản đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, như: (1) Hệ thống văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh cơ bản đầy đủ; các khó khăn, vướng mắc cơ bản được giải đáp; (2) Cơ chế quản lý, điều hành được đảm bảo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; (3) Các dự án sử dụng vốn đầu tư công đã được phê duyệt và giải ngân đảm bảo tiến độ; (4) Một số dự án, tiểu dự án sử dụng vốn sự nghiệp đã được triển khai thực hiện hỗ trợ đến người nghèo, cận nghèo, người mới thoát nghèo; (5) Cấp ủy, chính quyền các địa phương đã lồng ghép các hoạt động của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương,... Qua đó, góp phần đạt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo (năm 2022 giảm 1,79%, năm 2023 giảm 1,47%, năm 2024 giảm 1,5%, bình quân giai đoạn 2022-2024 mỗi năm giảm 1,58%).

Tuy nhiên, kết quả tổng thể, tiến độ tổ chức thực hiện Chương trình mới cơ bản đạt so với yêu cầu đề ra; còn một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình làm cho các hoạt động chậm được triển khai, chậm giải ngân vốn đã làm ảnh hưởng đến tiến độ, mục tiêu thực hiện Chương trình trên địa bàn toàn tỉnh.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

Cùng với việc triển khai quyết liệt Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; các Chương trình MTQG sẽ tạo thuận lợi cho phục hồi, phát triển các hoạt động kinh tế, tăng thu nhập cho người dân góp phần giảm nghèo bền vững.

Tại tỉnh Thanh Hóa, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ; cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; song với sự lãnh đạo kịp thời, sát sao của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; sự nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân

dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt kết quả quan trọng trên các lĩnh vực.

Tuy nhiên, trong công tác giảm nghèo còn nhiều khó khăn như số lượng người nghèo, cận nghèo còn cao, tập trung tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa gặp khó khăn trong việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, thông tin,...; doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các vấn đề xã hội gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như: Việc làm, nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục; những thách thức về thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, môi trường,... là những yếu tố tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội, đến công tác giảm nghèo của tỉnh.

Việc sắp xếp bộ máy chính quyền 2 cấp ảnh hưởng tới việc triển khai hoạt động của Chương trình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vươn lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu cụ thể

- a) Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1,5% trở lên.
- b) Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3% trở lên.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Đối tượng

- Các huyện nghèo: Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh và Thường Xuân.

- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn.

c) Nội dung thực hiện: Hỗ trợ đầu tư và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn sự nghiệp được giao năm 2025 là 46.340 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ

a) Mục tiêu: Hỗ trợ huyện Bá Thước, huyện Thường Xuân thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Huyện Bá Thước, huyện Thường Xuân.

c) Nội dung hỗ trợ: Tiếp tục hoàn thiện, đưa vào sử dụng các công trình đã được phê duyệt nhằm tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

1.3. Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành có liên quan.
- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thị xã: Bá Thước, Thường Xuân; Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh, Nghi Sơn; các xã, phường liên quan thuộc các huyện nêu trên (khi thực hiện chính quyền hai cấp).

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh¹¹.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được giao năm 2025 là 135.399 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành có liên quan.
- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường (*khi thực hiện chính quyền hai cấp*).

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

¹¹ Thực hiện theo quy định tại các văn bản: Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023, Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022, số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022, số 09/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023, số 10/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; Hướng dẫn số 293/HD-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh, Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyên giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng; tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả,... theo quy định¹².

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được giao năm 2025 là 55.795 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành có liên quan.

- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường (khi thực hiện chính quyền hai cấp).

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

b) Đối tượng

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Tổ chức khảo sát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi trên địa bàn được hỗ trợ.

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

¹² tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023, Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022, số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022, số 09/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023, số 10/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; Hướng dẫn số 293/HD-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh, Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh và quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được giao năm 2025 là 17.540 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Y tế.
- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành có liên quan.
- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường (*khi thực hiện chính quyền hai cấp*).

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh.
- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.
- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.
- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.
- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.
- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp được giao năm 2025 là 69.296 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển là 16.468 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 52.828 triệu đồng*); vốn đầu tư và vốn sự nghiệp được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì.
- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hoá (vốn đầu tư phát triển); các sở, ngành có liên quan.
- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường (*khi thực hiện chính quyền hai cấp*).

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

b) Đối tượng

- Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được giao năm 2025 là 6.812 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành có liên quan.

- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thị xã: Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh và Thường Xuân, Nghi Sơn; các xã, phường thuộc các huyện nêu trên *(khi thực hiện chính quyền hai cấp)*.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

b) Đối tượng

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;
- Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.
- Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

c) Nội dung hỗ trợ

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.
- Hỗ trợ giao dịch việc làm.
- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.
- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.
- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn đầu tư phát triển và sự nghiệp được giao năm 2025 là 25.147 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 4.594 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 20.553 triệu đồng); vốn đầu tư và vốn sự nghiệp được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.
- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành có liên quan.
- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường (*khi thực hiện chính quyền hai cấp*).

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 15/6/2023, Quyết định 4191/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND tỉnh và các văn bản khác có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m², “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Xây dựng.

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các sở, ngành có liên quan.

- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện: Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh và Thường Xuân; các xã thuộc Đề án *(khi thực hiện chính quyền hai cấp)*.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

b) Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; khu vực biên giới.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

- Thiết lập, cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

- Cung cấp thông tin tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được giao năm 2025 là 7.074 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan.

- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường *(khi thực hiện chính quyền hai cấp)*.

6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin và các quy định của pháp luật, thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng: Người nghèo, người dân tại trên địa bàn toàn tỉnh; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Tổ chức các hội nghị truyền thông nhằm tuyên truyền và cung cấp cho người dân kiến thức pháp luật về tiếp cận thông tin và các quy định của pháp luật liên quan đến nội dung, hoạt động thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình *(tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới và tăng cường công tác giám sát của người dân,...)*.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được giao năm 2025 là 6.869 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành liên quan.

- Đơn vị thực hiện: Các đơn vị cấp tỉnh được phân bổ kinh phí tại Tiểu dự án 2, Dự án 6; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường *(khi thực hiện chính quyền hai cấp)*.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (*cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, công tác viên giảm nghèo, người có uy tín*), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung

- Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

d) Kinh phí thực hiện: Vốn được giao năm 2025 là 19.624 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành liên quan.

- Đơn vị thực hiện: Các đơn vị cấp tỉnh được phân bổ kinh phí tại Tiểu dự án 1, Dự án 7; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường (*khi thực hiện chính quyền hai cấp*).

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu

Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng

- Cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án, tiểu dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung thực hiện

- Xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

d) Kinh phí thực hiện: vốn được giao năm 2025 là 9.073 triệu đồng và vốn được phép chuyển nguồn sang năm 2025.

e) Phân công thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành liên quan.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh được giao vốn; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường (*khi thực hiện chính quyền hai cấp*).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Từ nguồn Trung ương

- Ngân sách Trung ương phân bổ tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương và Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025¹³;

- Nguồn vốn được phép chuyển tiếp sang năm 2025.

2. Ngân sách địa phương

Bảo đảm đối ứng tối thiểu 10% được quy định tại Nghị quyết số 257/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Vốn tín dụng, vốn huy động, lồng ghép khác

Huy động tối đa nguồn vốn tín dụng thực hiện chương trình MTQG thông qua các chính sách tín dụng cho từng đối tượng, nội dung thuộc phạm vi đầu tư từng chương trình MTQG. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng thực hiện các chương trình MTQG.

Huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình MTQG, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến thông tin về Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch hành động số 30-KH/TU ngày 16/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; định hướng hoạt động theo mô hình chính quyền hai cấp và Kế hoạch này đến các cấp, các ngành và mọi tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện, chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của Nhân dân ta đối với người nghèo.

2. Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở

¹³ Được UBND tỉnh phê duyệt phân bổ cho các địa phương, đơn vị tại Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 và Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 24/4/2025.

rộng hoạt động tạo việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn huyện nghèo, xã nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, mô hình giảm nghèo và hỗ trợ phát triển sản xuất.

3. Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn, tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Lồng ghép các nguồn lực thực hiện các Chương trình MTQG, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; gắn kiểm điểm việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo với kiểm điểm, đánh giá tập thể, cá nhân cán bộ, lãnh đạo quản lý hằng năm theo quy định; nâng cao vai trò của người dân, cộng đồng dân cư trong việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Chương trình, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

6. Xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của Chương trình; làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của Chương trình đến môi trường sinh sống của cộng đồng.

7. Chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành; các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại các Tiểu dự án, Dự án của Kế hoạch này khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định. Tiếp tục tổ chức có hiệu quả Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; tích cực vận động cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan tham gia, ủng hộ các đợt phát động ủng hộ Ngày “Vì người nghèo”.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng; Y tế; Nội vụ (*đơn vị chủ trì thực hiện các Tiểu dự án, Dự án*) và Sở Tài chính: Trước ngày 30/6/2025, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động được giao chủ trì trên địa bàn toàn tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Sau

ngày 30/6/2025: Hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn việc thanh, quyết toán việc sử dụng vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo đúng quy định tại Công văn số 5429/UBND-KTTC ngày 21/4/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hoá (chủ đầu tư) phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp tục đôn đốc nhà thầu khẩn trương thực hiện Dự án: Xây dựng, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục công trình, nhà xưởng thực hành, ký túc xá; các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện đào tạo. đảm bảo tiến độ đề ra.

5. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: Phối hợp với UBND các cấp trong việc triển khai các hoạt động đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng cho các đối tượng thụ hưởng; bảo đảm chất lượng đào tạo, cấp chứng chỉ theo quy định; Trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ, nhiệm vụ được giao, thực hiện các trình tự, thủ tục trình phê duyệt theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện theo quy định. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu về Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; tăng cường giám sát quá trình tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố (trước ngày 30/6/2025)

Hoàn thành việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn, trong đó cần lưu ý các phương án xử lý phù hợp với quá trình sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp theo chỉ đạo tại Công văn số 1005/BNMT-PC ngày 11/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững và các văn bản của UBND tỉnh, như: Công văn số 5429/UBND-KTTC ngày 21/4/2025 về việc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; Công văn số 6964/UBND-THĐT ngày 17/5/2025 về việc tiếp tục rà soát, báo cáo tình hình bố trí vốn đầu tư công do cấp huyện, cấp xã quản lý và đề xuất phương án bàn giao, tiếp nhận các dự án do cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 về việc Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (đợt 1); Công văn số 2571/STC-QLĐP&CS ngày 18/4/2025 của

Sở Tài chính về việc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, xác định rõ nội dung hoạt động, dự án hỗ trợ giảm nghèo bền vững tại cơ sở.

Thực hiện điều chỉnh, phê duyệt việc sử dụng nguồn vốn chuyển tiếp từ các năm 2022, 2023, 2024 sang năm 2025 theo đúng quy định tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 của Quốc hội.

Báo cáo sơ kết tình hình triển khai 6 tháng đầu năm (trước ngày 15/6/2025) gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp theo quy định.

8. UBND cấp xã (sau ngày 30/6/2025)

- Tiếp nhận các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình từ cấp huyện để tổ chức triển khai tại địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện, phối hợp với các đơn vị liên quan bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu đã được giao. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- UBND cấp xã (xã, phường) tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được phân cấp: thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1005/BNMT-PC ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Chủ động tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động người dân tham gia các mô hình sinh kế, học nghề, chuyển đổi ngành nghề phù hợp với điều kiện địa phương.

- Quan tâm bố trí cán bộ làm công tác giảm nghèo chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có năng lực, kinh nghiệm tại cơ sở; thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên giảm nghèo.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn, các quy định hiện hành của pháp luật hoặc có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị chủ động đề xuất (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường), tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c).
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo (để b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VHXXH_{BTXH42}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng